

Chú ~~Tho~~

hà' bỏ cho
ở phân

Có họ = tập
tại xã 7 ngày.

xp - nay
từ nhà.



FROM: HANG MINH PHONG

TP MINH AN, XA MINH HOA
HUYEN GIANG THANH

KINH GIANG
f

OCT 17 1986

BEN THANH

* 69

7010

MAY 22 1986

ABO BAO PHAM

291X36

B.D. VIET NAM

Cash Check

No.

459098

☐ Hold

Date

10/16

1ST Notice

2ND Notice

Return

TO: CHI KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

U.S.A



VIA AIR MAIL PAR AVION

Phan tu thanh

Detached from
FD Form 3040-A,
Oct. 1964

Bao giờ I gồm: Khai Sơn, Tổng Minh, Thạch, 1 thố, 1 đồn, 1 đình, 1 miếu, 1 nhà, 1 đình,
1 thố, 1 căn, 1 căn, 1 thố của quân dân, 1 đình, 1 đình, 1 đình, 1 đình,
1 quyết định, 1 quyết định.

Quotus II gồm có: 36 hũ gạo, 10 hũ gạo, 1 chiếc nồi nấu gạo và 1 chiếc nồi nấu gạo

5 hũ gạo nấu gạo ở nhà 4 con

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

CHAUMY

KIENGIANG

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Minh-Lương

Tỉnh RACHOA

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 86
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số : 1513 LD, ngày 9-4-1967 đã trước bạ.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Tòa Hòa-Giai-Rộng-Quyển Kien Giang tuyên án như sau :
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phán rằng : <u>Hàng-minh-Phong,</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	nam, sanh năm 1941 tại xã Minh-Lương (Rạchgiã) con tư sinh của
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Hàng-văn-Chuẩn và Huỳnh-thị-Nèo.</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Phán rằng : án này thế vì khai
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	sanh cho <u>hết</u> <u>Hàng-minh-Phong./-</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nay lược biên :
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Kien Giang, ngày 26-6-1967
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh-Lục-Sự
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	án ký : <u>Nguyễn-văn-Bình</u>

Chúng tôi, Huỳnh-trung-Chánh
(Nous)

Chánh-án Toà KIENGIANG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn-văn-Bình
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

KIENGIANG, ngày 19/6/1967

CHÀNH-ÁN,
(LE PRESIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

KIENGIANG, ngày 19/6/1967
CHÀNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Duyệt : một chữ xóa bỏ./-

Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance N°)



Saigon ngày 24 tháng 9 năm 1986

Địa chỉ: Bà KHUO-MINH-THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA

222/PS - 0635

TELEPHONE 703.998 - 7850

U.S.A

Yêu thư Bà,

Kính chào: HANG-MINH-PHONG, em chủ-kịch

Hội đồng thân-tâm và Minh-Hoa. Đoàn thân-thân. Kính Mừng.

Được sự giới-thiệu và giúp đỡ của anh chị "Nghĩa"
hội thân-tâm gần đây Bà toàn bộ hồ-sở của tôi và gia đình
xin được di trú tại Hoa-Kỳ hoặc nước khác.

Kính mong Bà và quý Hội thân-tâm giúp đỡ
lời "khẩn-thiết" của tôi và gia đình. Xin Bà thư nhận
nên sớm nhất bằng cách thân-thân biết ơn và tôn kính.

Yêu thư

HANG-MINH-PHONG

Đệ Minh-chu, đệ Minh-Hoa

Huyền thân-thân - KINH GIANG -

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 2/4. 1991

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch cá nhân

1. Name
Họ, tên : HÀNG-MINH-PHONG Sex: Male/
Phái nam/
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : Minh Lương (Bachgiá)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Xp Minh-chi, xã Minh-Hoa, huyện Châu Thành (trung ương)
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Xp Minh-chi, xã Minh-Hoa, huyện Châu Thành (trung ương)
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Đảm nhiệm

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-di h
1. <u>TRẦN THỊ TÊN</u>	<u>15.7.1941</u>	<u>Đình-chi</u>	<u>Ph</u>	<u>M</u>	<u>AD</u>
2. <u>HÀNG QUÝ HOAN</u>	<u>16.5.1962</u>	<u>Minh-Hoa</u>	<u>NS</u>	<u>M</u>	<u>con</u>
3. <u>TRẦN THỊ QUẾ OANH</u>	<u>13.5.1964</u>	<u>Minh-Hoa</u>	<u>Ph</u>	<u>S</u>	<u>con</u>
4. <u>HÀNG KHÁNH NGUYỄN</u>	<u>01.5.1964</u>	<u>Minh-Hoa</u>	<u>nam</u>	<u>S</u>	<u>con</u>
5. <u>HÀNG KHÁNH VINH</u>	<u>15.5.1971</u>	<u>Minh-Hoa</u>	<u>nam</u>	<u>S</u>	
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relative do not live with you, please not their addresses in Section I below.)

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thu (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly-hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

HÀNG-THỊ-XUÂN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

chị ruột

c. Address
Địa-chỉ

(quê-sinh ở - khu định cư sau)

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

9/1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

HÀNG-KIÊN-PHONG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

anh ruột

c. Address
Địa-chỉ

cộng hòa - kỳ (ở khu sau)

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

HÀNG-VĂN-CHUÂN (chết)

2. Mother
Mẹ

HUYỀN-THỊ-NGO (sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

TRẦN-THỊ-ÊN (sống)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

KHÔNG

5. Children
Con cái:

(1) HÀNG-QUẾ-LOAN Sinh ngày 16.5.1962 tại Minh-Hoa (S)

(2) HÀNG-THỊ-QUẾ-DANH 14.5.1962 - ở - (S)

(3) HÀNG-KHAI-NGUYỄN 1.5.1969 - ở - (S)

(4) HÀNG-KHAI-VINH 15.5.1971 - ở - (S)

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

6. Siblings
Anh chị em:

(1) HÀNG-THỊ-XUÂN (sống) ở Hoa-kỳ

(2) HÀNG-KIÊN-PHONG (sống) ở Hoa-kỳ

(3) HÀNG-ÊN-PHON (sống) ở Minh-Hoa - ở Minh-Hoa

(4) HÀNG-VĂN-QUỖI (sống) - ở -

(5) HÀNG-VĂN-PHON (sống) ở Minh-Hoa - ở Minh-Hoa

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HÀNG - MINH - PHONG
2. Dates: Ngày, tháng, năm From: 30.4.1962 To: 22.4.1970
TỪ _____ ĐẾN _____
3. Last Rank: Cấp-bậc cuối-cùng: Thiếu tá Serial Number: 1975
Số thẻ nhân-viên: MQ-41/441.552
4. Ministry/Office/Military Unit: Bộ/sở/Đơn-Vị: Binh-Chung: Đoàn 1 Lữ Đoàn Kháng cự ở khu Tây Bắc
5. Name of Supervisor/C.O.: Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: ĐẠI TÁ LƯU KHU TRƯỜNG LÊ - KHÁNH

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Đã nghỉ việc ở quê nhà - tại thị trấn

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

KHÔNG NHỚ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award:
Phân thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

CÓ

Thất lạc

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☐ No ☐

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đúng sự có không? Có ☒ Không ☐)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From
Từ:

To
Tới:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?
Ai đài thọ chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

HÀNG - MINH - PHONG

2. Time in Reeducation: From:
Thời gian học-tập Từ:

To:
Tới:

Học tập cải tạo tại xã 7 ngày

3. Still in Reeducation? Yes
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có

No
Không

☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Con gái là HANG QUÊ LOAN số nhà là MÃ - CHAM HUY, ngụ ở tỉnh An
Sơn - Hòa (tỉnh Quảng) nay đang đi học tại trường nội trú
1/ MÃ - TUYẾT - THẢO - 5 tuổi
2/ MÃ - TUYẾT - TRANG - 3 tuổi

Signature
Ký tên:

Phạm Văn Hàng Minh Phong

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Hộ chiếu quốc gia, 1 giấy đăng ký cải tạo, 1 chứng chỉ giữ người, 1 chứng trình họ nhân dân - tỉnh Hòa
Sơn, 1 bản sao của sổ, 1 bản sao chỉ thị của Ban. 6 tờ khai của xã dân công khai
Sơn - 1 bản photo hộ khẩu.

PRON- HANG MINH PHONG
ẤP MINH AN, XÃ MINH HOA
HUYỆN CHAU THANH
- TỈNH GIANG

MAY B
PAR AVION

BEN THANH

★ 69 .0

70102

Claim Check
No.

459097

☐ Hold

Date

10-16

1ST Notice

12ND Notice

Return

Detached from
PS Form 3848-A,
Oct. 1983

291X86 B.D. VIET NAM

TO : CHỊ KHUC MINH THO'

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205 - 0635

OCT 17 1986

U.S.A

VIA AIR MAIL PAR AVION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 370401412

Họ tên: HANG MINH PHONG

Sinh ngày: 1936

Nguyên quán: Minh hòa
Châu thành, Kiên Giang.

Nơi thường trú: Minh hòa,
Châu thành, Kiên Giang.

Đây là Căn Cước Mới 1936
Còn phần Căn Cước Cũ 1941
Xử Diệt 2 năm Sau là
1 người

Dân tộc:

Hoa

Tôn giáo:

đạo Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đeo chằm cách HCM
dưới sáu cánh mũi
phải.

Năm tháng 6 năm 1981

TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ (M)

NGÓN THO (P)

Trần Văn Hùng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA		Số	0320707
THẺ CÂN-CƯỚC			
Họ Tên		HÀNG-MINH-PHONG	
	Ngày, nơi sinh		1941
	Mình-Yương (Rạch-Giã)		
	Cha		
	Vân-Chuân		
	Mẹ		
			Huỳnh-thị-Mạo
Địa chỉ		19/1, Vĩnh-Hòa, Kiên-Thành, (Kiên-Giang)	

Dấu vết riêng:		Cao: 1 th		65
Chấn sọc trên khoe phải miệng		Nặng:		54 Kg
Chữ ký đương sự:		Ngón trỏ mặt		
Kiên-Giang ngày 31-3-1971				
PHÓ-TY CẢNH-SÁT QUỐC-GIA,		Ngón trỏ trái		
LƯU-NGHĨA-HIỆP				

Cân Cước Cũ Năm 1941 - Trước đây
 Cân Cước Mới tăng lên 1936 - Sau năm 1975
 Xỉm Diện 2 năm Sau là 1 người -

HỌ TÊN HÀNG-MINH-PHONG
QUÂN SẮC DV/NQ
AN 41/441.552

VÀ NƠI SINH 1941
MINH LUONG, RACH GIA

CĂN-CƯỚC SỐ 03320707 CẤP TẠI
KIEN GIANG NGÀY 31-3-71

QUÂN-BÌNH-CHUNG NGHIA LUAN

ĐƠN-VỊ TRU-BI

THÂM NIÊN QUÂN-VỤ (a) NAM

NAM MUOI THANG

HAI MUOI NGAY

ĐỊA-CHỈ XA MINH HOA, KIEN THANH,
KIEN GIANG.

(a) bằng chữ.

LƯU-Ý

Chiếu theo Huân-Thị số 120-2 ngày 3.11.1970.

1. Thẻ này thay thế CCTTQD. Trong mọi trường hợp cho đến khi có lệnh mới.
2. CON đang được hoãn hoặc triệu ban tái ngũ về mọi lý do (ngoại trừ sức khỏe). Thẻ sẽ do Cơ quan Tổng-Viên ký cấp hoặc gia hạn.
3. CON được hoãn về sức-khỏe thẻ sẽ do TTMD Saigon hoặc, phòng Miễn-Dịch nơi khám sức-khỏe ký cấp hoặc gia hạn.
4. CON còn trong hạn tuổi TBIG không được hoãn nhưng chưa có lệnh gọi tái ngũ. Thẻ sẽ do TK bay QVTT nơi cử ngũ gia hạn khi hết hiệu lực.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA LS
BỘ QUỐC-PHÒNG

SỐ 02335 ENL4/TB/CE

THẺ CƯU QUÂN-NHÂN

TRANG ĐƯỢC HOÀN TẠO NGU VÊ L

C CƯ VOXA. DO DS SO 3456/HA

1-10-74 CỦA TỈNH KIÊN GIANG.

ĐIỀU LỤC MUỐI LAM THANG MUỐI

NAM MỘT NGAN CHIN TRAM BAY

MUỐI LAM. (15-10-75),

THAM-CHIẾU: HT SO 120-2 NGÀY 05-

11-70 CỦA ĐO ĐUỐC PHONG,

KBC: 2576 Ngày 19 Tháng 10 1974

Trưởng Tả ĐO ĐUỐC PHONG



3 số và bằng chữ

GIA HẠN HIỆU LỤC (b)

CV.2

THAM-CHIẾU:

KBC. Ngày

GIA HẠN HIỆU LỤC (b)

THAM-CHIẾU:

KBC: Ngày

ỦY BAN QUÂN QUẢN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

Độc lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

Số: 462 /CN



GIẤY CHỨNG, NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO



Họ và tên thí sinh: Hoàng Minh Quang

Tên thường gọi: phong

Ngày sinh 1941 (1935)

Quê quán Mỹ Hòa (Kien Giang)

Chỗ ở hiện tại: Ấp Minh An xã Minh

Hải Hậu Châu (Kiang)

Số căn cước Cấp bậc

Chức vụ công khai: Chủ tịch HĐ ĐS Bình chủng

Chức vụ bí mật _____ Đơn vị Mĩnh Hòa

ĐÃ HỌC TẬP 02 NGÀY TẠI xã Minh Hòa.

Ngon cái trái

Ngon cái phải

NHÂN DẠNG

Cao 1m 65 Nặng 62 kg

Dấu riêng

Chấn nhá trên phải mũi

ngày 13 tháng 05 năm 1976

TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN
Ban An Ninh Nội Chính

Ưng
Quản nội chính

- CHÚ Ý :**
- Khi về phải xuất trình giấy này cho địa phương.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục và chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

Ninh/3b
No. 408055

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
QUAN DOAN IV QUAN KHU 4
TIÊU KHU KIANGIANG

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

ĐẠI-TÁ LÊ - KHÁNH TIÊU KHU TRƯỞNG TIÊU KHU KIANGIANG

số: D.549 / TĐM / P. T. T
TĐM / OC.

CHỨNG NHẬN

HÀNG - MINH - PHONG Cấp bậc Nhũ Số quân N. 41 / 41552
Sanh ngày 1941 tại MINH LƯƠNG, RACH GIA
Con Ông HÀNG VĂN CHUÂN (S.C) và Bà HUYỀN THỊ NHO (S.C)
Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Công-Hòa ngày 20 tháng 01 năm 1962
Được giải-ngũ ngày 02 tháng 04 năm 1970
Do ND hay QĐ số: I2509, 479 ngày 31, 21 tháng 08, 06 năm 1970, 1973
Của: (Cơ-quan, Đơn-vị) BỘ TQM / T. T. / NSV / TĐM / OC
Thấm niên quân-vụ: 07 năm 11 tháng 12 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ: Xãn nhiệm kỳ HDX MINH HÒA, chưa có lệnh gọi tái ngũ vì
trên 5 năm quân vụ (áp dụng Thông Báo ngày 10-2-68 của
BQP) XÃ MINH HÒA, QUAN KIÊN THÀNH, TỈNH KIANGIANG

vi Địa-chỉ khai về cư-ngụ:



Chữ ký đường-sứ

Khánh

KBC. 4667, ngày 25 tháng 05 năm 1974

Khánh

QUYẾT-ĐỊNH SỐ: 463/HCĐP/1/QĐ ngày
16-6-1973 v/v duyệt hành kết quả bầu
Xã-Trưởng và Ban Thường-Vụ HDX Minh-Hoà,
Vinh-Hoà-Hiệp và Bình-An thuộc Quận Kiên-
Thành.

QUYẾT-ĐỊNH - TRƯỞNG KIÊN - GIANG

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hoà ngày 01-4-1967;
Chiếu Sắc-Lệnh số 394/SL/TT ngày 01-9-1969 về các
văn kiện kế tiếp ấn định thành phần Chính Phủ, sửa đổi và
bổ túc do sắc lệnh số 366/TT/SL ngày 12-6-1971;

Chiếu Dự số 57-s ngày 24-10-1956 và Thông-Tư số
115-s ngày 24-10-1956, tổ chức nền Hành-Chánh Quốc-Gia và
ấn định quyền hạn Tỉnh-Trưởng;

Chiếu Nghị-Định số 035/TT/ND ngày 14-2-1972 của
Tổng-Thống bổ nhiệm Tỉnh-Trưởng Kiên-Giang;

Chiếu sắc lệnh số 198/SL/ĐUHC ngày 24-12-1966 về
các văn kiện kế tiếp cải tổ nền Hành-Chánh Xã, Ấp;

Chiếu Sắc-Lệnh số 199/SL/ĐUHC ngày 24-12-1966 và
các văn kiện kế tiếp ấn định thể thức bầu cử Hội-Đồng Xã;

Chiếu Nghị-Định số 470/BNV/NSKT/33 ngày 14-7-1972
ấn định các biểu phụ-cấp và thù lao hàng tháng cho viên
chức Xã, Ấp;

Chiếu quyết-định Tỉnh số 377/HCĐP/1/BC/HDX ngày
28-5-1973, v/v duyệt hành kết quả bầu cử Hội-Đồng Xã Minh-
Hoà, Vinh-Hoà-Hiệp, Bình-An,

Chiếu điều 16, 17 và 24 (mới) sắc lệnh số 169/SL/NV
ngày 25-11-1972 ấn định thể thức bầu cử Xã-Trưởng và Ban
Thường-Vụ Hội-Đồng Xã;

Chiếu Biên-Bản phiên họp ngày 25-5-1973 của Hội-
Đồng Xã Minh-Hoà, Vinh-Hoà-Hiệp và Bình-An thuộc Quận
Kiên-Thành bầu Xã-Trưởng và Ban Thường-Vụ Hội-Đồng Xã;

QUYẾT-ĐỊNH

Điều 1. - Nay duyệt hành kết quả cuộc bầu cử Xã-
Trưởng UBHC Xã và Ban Thường-Vụ HDX Minh-Hoà, Vinh-Hoà-
Hiệp và Bình-An thuộc Kiên-Thành với thành phần như sau :

I.- XÃ MINH-HOÀ :

a)- Xã-Trưởng :

Ô. VÕ-VAN-BÌNH sinh năm 1939 tại Long-Thạnh
(Rạchgia) căn cước số 03820611 cấp tại Kiên-Giang, ngày
11-2-1970,

b)- Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. HÀNG-MINH-PHONG, sinh năm 1941 tại Minh-Lương (Rạchgiã), căn cước số 03820707 cấp tại Kiên-Giang ngày 31-3-1971,

c) - Phó Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. HUỖNH-MINH-HẢI, sinh năm 1936 tại Minh-Hoà (Kiên-Giang) căn cước số 03820443 cấp tại Kiên-Giang ngày 9-2-1970.

d) - Tổng Thư Ký Hội-Đồng Xã :

Ô. NGUYỄN-VĂN-HUỖ, sinh năm 1937 tại Bình-An (Rạchgiã), căn cước số 03809879 cấp tại Kiên-Giang ngày 7-1-1970,

II. - XÃ VINH-HOÀ-HIỆP :

a) - Xã-Trưởng :

Ô. TRẦN-LƯƠNG-QUAN, sinh năm 1932 tại Cù-Hoà (Rạchgiã) căn cước số 05011980 cấp tại Kiên-Giang, ngày 2-5-1970.

b) - Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. LÝ-THAI-LONG, sinh năm 1925 tại Thường-Phước (Cần-Thơ) căn cước số 03820284 cấp tại Kiên-Giang, ngày 3-2-1970.

c) - Phó Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. TRẦN-VĂN-MÉN, sinh năm 1939 tại Bình-Thủy (Long-Xuyên) căn cước số 05012063 cấp tại Kiên-Giang, ngày 10-6-1972,

d) - Tổng Thư Ký Hội-Đồng Xã :

Ô. GIANG-MINH-HOÀNG, sinh năm 1938 tại Giục-Tuon (Rạchgiã), căn cước số 01791991 cấp tại Kiên-Giang, ngày 15-10-1969.

III. - XÃ BÌNH-AN :

a) - Xã-Trưởng :

Ô. DANH-BIỆT, sinh năm 1930 tại Long-Thạnh (Rạchgiã) căn cước số 04124141 cấp tại Kiên-Giang, ngày 17-2-1970.

b) - Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. HUỖNH-HỮU-CHƯƠNG, sinh năm 1933 tại Bình-An (Rạchgiã), căn cước số 04124138 cấp tại Kiên-Giang, ngày 17-2-1970.

W 3 -
c) - Phó Chủ-Tịch Hội-Đồng Xã :

Ô. TRẦN-TẤN-SON, sinh năm 1938 tại Bình-An
(Rạchgiã), căn cước số 07143102 cấp tại Kiên-Giang, ngày
25-9-1970.

d) - Tổng Thư Ký Hội-Đồng Xã :

Ô. TRẦN-NHƯ-AN, sinh năm 1942 tại Bình-An
(Rạchgiã), căn cước số 05746429 cấp tại Gia-Dịnh, ngày
12-11-1970.

Điều 2 .- Nhiệm kỳ của các viên chức kể trên
là 3 năm kể từ ngày Hội-Đồng Xã Tiên hệ nhậm chức.

Điều 3 .- Kể từ ngày thật sự nhận việc các
đương sự được hưởng phụ cấp và thù lao hằng tháng theo thể
lộ hiện hành.

Điều 4 .- Phó Tỉnh-Trưởng, Quận-Trưởng Kiên-
Thành, Trưởng-Ty Tài-Chánh, Trưởng-Ty Hành-Chánh, chiếu
nhiệm vụ, thi hành quyết-định này ./-

Kiên-Giang, ngày 16 Tháng 6 năm 1973

TỈNH-TRƯỞNG,

NƠI NÂM :

Phòng Tỉnh-Trưởng
Quận-Trưởng Kiên-Thành
Trưởng-Ty Tài-Chánh)
Trưởng-Ty Nội-An) Toà HC
Trưởng-Ty Hành-Chánh)
Chủ-Tịch HDX)
Xã-Trưởng UBHC Xã) Minh-Hoà, Vĩnh-Hoà-
Hiệp, Bình-An



Đại-Tá HUỖNH-VĂN-CHÍNH

"Đề t.ường"

- Các đương sự

"Đề nhận tình"

- Hồ sơ

Lưu

ĐỒNG KÍNH GỬI :

- Bộ Nội-Vụ SÀI-GÒN

- Văn Phòng Đại Diện Bộ Nội-Vụ
cạnh Quận Khu 4 CẦN-THƠ

"Đề kính trình"

- Ông Chủ-Tịch Hội-Đồng Tỉnh

- - Chánh-An Toà Sơ-Thẩm

- - Tiểu-Khu Trưởng

Kiên-Giang

) Kiên-
Giang

(Phòng Tổng Quản-Trị)

"Đề kính tường"

Bao tổ II gồm có : 50 hộ khẩu, 1 tổ hôn thú, 1 chày mại thân
cũ bà TN - 5 tổ khai sinh và vô tư & con

Bao giờ I gần: Khai 3m^h t^hng m^h th^hng - 1m^h - 1m^h, 1m^h đ^hng m^h m^h m^h
1m^h m^h m^h, 1m^h m^h m^h m^h, 1m^h m^h m^h m^h m^h
1m^h m^h m^h m^h m^h.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

CHỨNG NHẬN ĐÃ CHUYỂN ĐẾN ở _____	CHỨNG NHẬN ĐÃ CHUYỂN ĐẾN ở _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên, đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên, đóng dấu
CHỨNG NHẬN ĐÃ CHUYỂN ĐẾN ở _____	CHỨNG NHẬN ĐÃ CHUYỂN ĐẾN ở _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên, đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên, đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

SỔ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số 001715

002:49

Họ và tên chủ hộ: Trần Thị凤

Xóm, Ấp: Mũi M

Xã: Mũi M

Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Ngày 10 tháng 9 năm 1984

Trưởng công an MUYỀN
(Ký tên, đóng dấu và ghi họ tên)

Tập số _____

Tập trang _____

Trần Văn Bửu

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ KIANGIANG
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ NĂM 1961 (BỘ) _____
Extrait du registre des actes de mariage de l'année (degré)
LÀNG Bình-An TỈNH KIANGIANG (NAM-PHẦN)
du village de Province de (Sud Viêt-Nam)

Do áp văn số : 1513, NĂM 1961 SỐ HIỆU 17
NDLQ, ngày 19.4.1967 đã (Année) (A te No)

trước, bà.
Toà Hòa Giải Hồng-Quỳ
Kiangiang tuyên an như
sau :

Pháp rắng : Truyền dạy
điều chỉnh, hợp thủ số 17
năm 1961 xã Bình-An
(Kiangiang) :

- Khoea tên họ cha chồng
và là hợp gia-thuận phải
lại là, hợp gia-thuận

Kiangiang, ngày 26.6.1967
Chánh Lục-Sự,
an ký
Nguyễn-Vân-Bình

Tên, họ người chồng	Minh-Lương (náchGĩa)
Nom et prénom de l'époux	
Sanh tại chỗ nào	Năm 1941
Lieu de la naissance	
Sanh ngày nào	Hàng-v n-thuận
Date de la naissance	
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)	Huỳnh-Thị-Méo
Nom et prénom du père de l'époux (indiquer si est vivant ou décédé)	
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	Trần-Thị-Lan
Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	
Tên, họ người vợ	Bình-An (náchGĩa)
Nom et prénom de l'épouse	
Vợ chính này là vợ thứ	Năm 1941
Son rang de femme mariée	
Sanh tại chỗ nào	Trần-Tư-ong (chết)
Lieu de la naissance	
Sanh ngày nào	Phùng-Thị-Phong
Date de la naissance	
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	
Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer si est vivant ou décédé)	
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)	
Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	
Ngày kết-hôn	Ngày 3 tháng 5 năm 1961
Date de mariage	

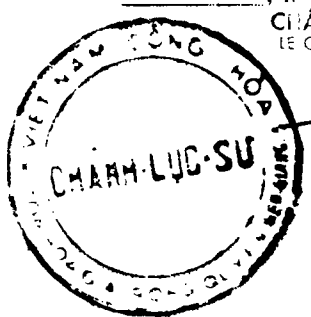
Chúng tôi
Nous
Chánh-án Toà
President du Tribunal de
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
certifier l'authenticité de la signature de M.
ông
Chánh Lục-sự Toà-Án sở tại.
Greffier en Chef du dit tribunal

Trích y bốn chánh :
Pour extrait conforme :

KIANGIANG

122/L/

196 9



CHÁNH-LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF

ngày 196
CHÁNH-ÁN,
LE TRIBUNAL

Giá tiền 7500
Cốt 887
Biên-lai số
Quittance No

Mi Miết Hết
Chánh-Lục-Sự
(Chánh-Lục-Sự)
20-7-1967
(Chánh-Lục-Sự)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~370127808~~

Họ tên: **TRẦN THỊ EN**



Sinh ngày: **1941**

Nguyên quán: **Bình an**

châu thành, Kiên Giang

Nơi thường trú: **Minh hòa**

châu u thành, Kiên Giang.

Dân tộc:

Hoa

Tôn giáo:

đạo phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm C.1CM dưới
sau dưới mắt trái.

Ngày 14 tháng 06 năm 1979

KY GIAM ĐÓNG CHẤM TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG TY

NGƯỜI TRỞ PHẢI

[Signature]
[Signature]

NAM CỘNG HÒA

TƯ - PHÁP

PHÁP NAM - PHẦN

Trích-lục văn-khiếu thể-vi hộ-tịch-lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HOA GIAI RONG QUYEN KIENGIANG

TOA H.G.R.Q.Kiên-giang Một bản chánh giấy thể-vi ~~chứng-thư-sinh~~

cấp cho bà ~~Phùng-thị-Phùng~~, do Ông

Ngày ~~23-11-1959~~ ~~Nguyễn-Diên~~, Chánh-Án Toà-an Rachgia

Giấy thể-vi ~~chứng-thư-sinh~~ với tư-cách Thăm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày ~~23-11-1959~~
cho ~~Trần-thị-En~~ và đã trước-bạ ;

(1) Số ~~3 1~~

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :



Những nhân-chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần
Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả quyết và biết
chắc rằng :

-Tên Trần-thị-En, nữ, sanh ngày 15-7-1941
tại làng Bình-An (Rachgia) con của Trần-Tuông (chết)
và Phùng-thị-Phùng/.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Lệ-phí : ~~50 00~~

Kiên-giang, ngày ~~17~~ tháng ~~2~~ năm 1960

CHÁNH LỤC-SỰ,

Lập lại số, ngày tháng
và năm trên đây mỗi khi
xin trích-lục.

Số hiện Tám Mươi Một
(81.)

KHAI - SANH



Ấu-nhi : (Tên, họ)	HÀNG - QUẾ - LOAN
Phái :	NỮ
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày mười sáu tháng năm dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai.
Tại :	Xã Minh-Hòa .
Cha : (Tên, họ)	Hàng - Minh - Phong
Tuổi :	Hai Mươi Một Tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn Bán
Cư-trú tại :	Xã Minh - Hòa
Mẹ : (Tên, họ)	Trần - Thị - Ân
Tuổi :	Hai Mươi Một Tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn Bán
Cư-trú tại :	Xã Minh - Hòa
Vợ (chánh hay thứ)	Chánh, Hôn thú số 17 ngày 3-5-61 Xã Bình-An,
Người khai :	Hàng-Minh-Phong
Tuổi :	Hai Mươi Một Tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn Bán
Cư-trú tại :	Xã Minh - Hòa
Ngày khai	Ngày Mười Tám tháng Năm Dương-Lịch năm 1962
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Trần - Tuốt
Tuổi :	Hai Mươi Hai Tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn Bán
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Người chứng thứ hai : (Tên, họ)	Chiêm Hồ
Tuổi :	Hai Mươi Hai Tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn - Bán
Cư-trú tại :	Xã Minh - Hòa

SAO Y BỘ-ĐỘI:

Minh-Hòa, Ngày 28-8-1969.

Ủy-Viên Hộ-Tịch.

Hàng - Lạc

Hàng - Lạc

Kiến-Thị:

Xã - Trưởng,



Dương - Văn - Hùng

Lập tại Minh-Hòa, ngày 18 tháng 5 - 1962

Người khai,
Hàng-Minh-Phong
(Ký tên)

Hộ-lại,
Nhân-chứng,
1 Trần-Tuốt
2 Chiêm-Hồ

(Cả 2 Đều Ký tên)



Số hiệu I 20
Một trăm Hai Chục

KHAI-SANH



Ấu-nhi : (Tên, họ)	Hàng-Thị Quế-Oanh
Phái :	Nữ
Sanh ngày, tháng, năm	Ngày hai mươi tháng năm dương lịch Năm Một ngàn chín trăm sáu mươi bốn.
Tại :	Xã Minh-Hòa
Cha : (Tên, họ)	Hàng-Minh-Phong
Tuổi :	Hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp :	buôn bán
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Mẹ : (Tên, họ)	Trần-Thị-EN
Tuổi :	Hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp :	buôn bán
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Vợ (chánh hay thứ) :	Vợ Chánh
Người khai :	Hàng-Minh-Phong
Tuổi :	Hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp :	buôn bán
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Ngày khai	Ngày hai mươi tháng năm dương lịch năm 1964.
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	La-Văn-Thiết
Tuổi :	Hai mươi một tuổi
Nghề-nghiệp :	làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Người chứng thứ hai : (Tên, họ)	Lưu-Văn-Dồn
Tuổi :	Hai Mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa

Sao Y Bản chánh:

Minh-Hòa, ngày 22 tháng 7 DE 1967.

T-NAM C-M-T-ICH KIEM HO-TICH



Đặng-hiến-Nhơn

Lập tại Minh-Hòa, ngày 20 tháng 5 năm 1964.
Người khai, Hộ-lại, Nhân-chứng,

Hàng-Minh-Phong Mai-Thanh-Nhã La-Văn-Thiết
(Ký tên) (Ký tên) Lưu-Văn-Dồn
(Cả 2 đều Ký tên)

Số hiện Chín Mươi sáu
(96)

KHAI-SANH

Ấu-nhi : (Tên, họ)	HÀNG - KHẢI - NGUYỄN
Phái :	Nam
Sanh ngày, tháng, năm:	Một tháng năm dương-lịch, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
Tại :	Xã Minh-Hòa
Cha : (Tên, họ)	Hàng - Minh - Phong
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân - nhân
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Mẹ : (Tên, họ)	Trần - Thị - Ân
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Buôn bán
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Vợ (chánh hay thứ) :	Vợ chánh
Người khai :	Hàng - Minh - Phong
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Ngày khai :	Hai tháng năm dương-lịch, 1969.
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Trần - Hữu - Kỳ
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa
Người chứng thứ hai : (Tên, họ)	Huỳnh - Văn - Thái
Tuổi :	Ba mươi mốt tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Xã Minh-Hòa



Kiến-Thị:

Minh-Hòa, Ngày 6 - 8 - 1969.

XÃ - TRƯỞNG,



Đặng-Hiền-Nhơn

SAO Y BỘ-DƯỠI:

Minh-Hòa, Ngày 6 - 8 - 1969.

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Lập tại Minh-Hòa, ngày 2 tháng 5 DL 1969

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

Hàng-Minh-Phong Đặng-Hiền-nhơn Trần-Hữu-Kỳ
(Ký tên) (Ký tên) Huỳnh-Văn-Thái
(Cả 2 đều ký tên)

CHỨNG-HỢP PHÁP CHỮ KÝ CỦA
ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ MINH-HÒA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIÊN GIANG

Quận

Kiên-Thành

Xã

Minh-Hòa

Số hiệu :

172

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 18 tháng 5 năm 19 71

Một trăm bảy mươi hai



Tên họ đứa trẻ	Hàng - Khôi - Vĩnh
Con trai hay con gái	Nam
Ngày sanh	Mười lăm tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh	Xã Minh - Hòa
Tên họ người cha	Hàng - Minh - Phong
Tên họ người mẹ	Trần - Thị - Bền
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ - Chánh
Tên họ người đứng khai	Hàng-Minh-Phong

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Minh-Hòa ngày 9 tháng 5 năm 19 73.

XÃ. TRƯỞNG,

Kiểm Ủy - Viên Hộ - Tịch,



MIỄN THỊ THỰC

TCVT Số 9475/BNV/H.C.29

Ngày 22.10.1971 của Bộ-Nội-Vụ

VÕ-VĂN-BÌNH
XÃ-TRƯỞNG

C O N T R O L

☒ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

Approved 10/17
Card due
h/s VN
o'Brien, William
Bo Xun Chien